CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS ***DAMAC JOINT STOCK COMPANY***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số/No.: ..3908A/2019/DAMAC/CV *V/v: CBTT BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2019 kèm giải trình chênh lệch số liệu*	*Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019* *Ha Noi, day 29 month 08 year 2019*

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: KSH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 99 An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024 3936 4695
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by:* Hoàng Văn Long
  Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☑ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
Ký ngày: 29/08/2019 14:53:34

Scanned with CamScanner

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS công bố thông tin BCTC bán niên hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán kèm giải trình chênh lệch số liệu

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần *nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.*

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

.....

Lý do/ *Reason*: .....

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 29/08/2019... tại đường dẫn: http://damac.com.vn/

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 29/08/2019.. *Available at: http://damac.com.vn/*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- *Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 0700187368 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS ★ Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Long

Scanned with CamScanner

AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

A Member of msi Global Alliance Independent Legal & Accounting Firms

Scanned by CamScanner

AASCs

Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

Scanned by CamScanner

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 31

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 26/07/2019, các thông tin về Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	575.096.750.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2019	:	575.096.750.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên SAPA	*Số 58, tổ 7, phố Cầu Mây, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai*	*80,00%*	*93,33%*	*80,00%*	*93,33%*
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng	*Số 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Lân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*		*75,00%*		*75,00%*
Công ty TNHH Đầu tư Tam Nguyên	*Số 002, đường Thanh Niên, phường Duyên Hải, thành phố*		*71,07%*		*71,07%*
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Lào Cai	*Số 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Lân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*		*27,78%*		*27,78%*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	*Tầng 1, 257 đường Minh Khai, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*		*42,29%*		*42,29%*
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Gia Huy	*Số 428 đường Khánh Yên, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*		*44,29%*		*44,29%*

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

Scanned by CamScanner

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30/06/2019 lỗ 1.666.537.529 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2018 lợi nhuận sau thuế lỗ 4.464.219.653 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2019 là 16.531.016.004 VND (Tại thời điểm 31/12/2018 lợi nhuận chưa phân phối là 16.722.383.272 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Long	Chủ tịch	
Bà Tạ Thu Thủy	Ủy viên	
Bà Mai Thúy Hằng	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Long	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Khanh	Giám đốc điều hành	(Bổ nhiệm ngày 17/08/2019)

Ban Kiểm soát

Bà	Đinh Thị Khánh Ly	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Đức Hùng	Thành viên

Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Minh Đức	(Bổ nhiệm ngày 18/03/2019)
Bà	Trần Thị Vân	(Bổ nhiệm ngày 18/06/2018, miễn nhiệm 18/03/2019)
Bà	Nguyễn Hương Ly	(Miễn nhiệm ngày 18/06/2018)

Đại diện pháp luật

Ông	Hoàng Văn Long

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Scanned by CamScanner

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019.

Duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2019
TM. Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

HOÀNG VĂN LONG
Tổng Giám đốc

Scanned by CamScanner

Số: 671 /BCKT-TC/2019/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Damac GLS, được lập ngày 26/08/2019, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damac GLS tại ngày 30/06/2019, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

LÊ VĂN TUẤN

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0479-2018-142-1

Scanned by CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**619.735.156.411**	**657.946.791.146**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**711.630.881**	**139.919.223**
Tiền	111		711.630.881	139.919.223
Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.4	**193.785.645.398**	**382.476.371.217**
Chứng khoán kinh doanh	121		196.000.000.000	385.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.214.354.602)	(2.523.628.783)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**424.889.293.244**	**274.858.110.347**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	51.664.303.125	24.255.785.127
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	36.945.602.220	60.422.852.220
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	337.804.707.899	190.344.550.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.525.320.000)	(165.077.000)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.6	**267.812.000**	**394.340.000**
Hàng tồn kho	141		267.812.000	394.340.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**80.774.888**	**78.050.359**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.666.090	
Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.108.798	78.050.359
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**63.690.000**	**71.429.638**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**63.690.000**	**63.690.000**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
Trả trước cho người bán dài hạn	212			
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
Phải thu nội bộ dài hạn	214			
Phải thu về cho vay dài hạn	215			
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	63.690.000	63.690.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	**220**			
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7		
- Nguyên giá	222		41.544.364	41.544.364
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(41.544.364)	(41.544.364)
Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			

Scanned by CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226			
Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229			
III. Bất động sản đầu tư	**230**			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**			
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**			
Đầu tư vào công ty con	251			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**			7.739.638
Chi phí trả trước dài hạn	261			7.739.638
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
Tài sản dài hạn khác	268			
Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**619.798.846.411**	**658.018.220.784**

Scanned by CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**13.398.367.273**	**49.951.204.117**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**13.398.367.273**	**49.951.204.117**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	11.393.607.780	17.429.702.091
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.374.865.350	1.374.865.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	16.779.310	16.779.310
Phải trả người lao động	314			14.670.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	600.000.000	92.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	13.114.833	31.023.187.366
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
Quỹ bình ổn giá	323			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	**330**			
Phải trả người bán dài hạn	331			
Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
Chi phí phải trả dài hạn	333			
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
Phải trả nội bộ dài hạn	335			
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
Phải trả dài hạn khác	337			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
Trái phiếu chuyển đổi	339			
Cổ phiếu ưu đãi	340			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
Dự phòng phải trả dài hạn	342			
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**606.400.479.138**	**608.067.016.667**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.12	**606.400.479.138**	**608.067.016.667**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
Thặng dư vốn cổ phần	412			
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
Vốn khác của chủ sở hữu	414			
Cổ phiếu quỹ	415			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
Quỹ đầu tư phát triển	418			
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

Scanned by CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.531.016.004	16.722.383.272
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		18.197.553.533	12.892.081.309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.666.537.529)	3.830.301.963
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		14.772.713.134	16.247.883.395
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**			
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**619.798.846.411**	**658.018.220.784**

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
NGUYỄN MINH ĐỨC	NGUYỄN MINH ĐỨC	HOÀNG VĂN LONG

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	**46.405.395.000**	**163.663.156.473**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		**46.405.395.000**	**163.663.156.473**
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.150.603.000	156.705.395.425
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		**254.792.000**	**6.957.761.048**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.833	1.200.958.937
Chi phí tài chính	22	VI.4	(309.274.181)	2.548.3[illegible].159
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*			2.548.3[illegible].159
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			197.401.008
Chi phí bán hàng	25	VI.6		4.678.4[illegible].842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.229.466.799	5.590.867.645
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		**(1.665.380.785)**	**(4.461.868.653)**
Thu nhập khác	31		110.000	
Chi phí khác	32	VI.5	1.266.744	2.351.000
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		**(1.156.744)**	**(2.351.000)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		**(1.666.537.529)**	**(4.464.219.653)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(1.666.537.529)	(4.464.219.653)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.439.250.663)	(3.820.870.565)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(227.286.866)	(643.349.088)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(29)	(66)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
NGUYỄN MINH ĐỨC	NGUYỄN MINH ĐỨC	HOÀNG VĂN LONG

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**(1.666.537.529)**	**(4.464.219.653)**
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		0	1.881.261.788
- Các khoản dự phòng	03		1.050.968.819	4.480.577.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.161)	(1.198.438.512)
- Chi phí lãi vay	06		0	2.548.375.159
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(615.586.871)**	**3.247.555.781**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(151.391.425.897)	(247.258.033.427)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		126.528.000	126.573.548.117
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(36.552.836.844)	(3.309.977.303)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.926.452)	9.220.561
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		189.000.000.000	
- Tiền lãi vay đã trả	14		0	(2.548.375.159)
- Thuế TNDN đã nộp	15		0	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		10.941.561	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**571.693.497**	**(123.286.061.429)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	104.646.641.773
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.161	789.143.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**18.161**	**105.435.785.416**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
Tiền thu từ đi vay	33		0	80.151.165.000

Scanned by CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(62.554.165.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**0**	**17.597.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**571.711.658**	**(253.276.013)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**139.919.223**	727.917.847
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	V.1	**711.630.881**	474.641.834

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
NGUYỄN MINH ĐỨC	NGUYỄN MINH ĐỨC	HOÀNG VĂN LONG

Scanned by CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 26/07/2019, các thông tin về Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	575.096.750.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2019	:	575.096.750.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 99, An Trạch, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính : không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên SAPA	*Số 58, tổ 7, phố Cầu Mây, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai*	*80,00%*	*93,33%*	*80,00%*	*93,33%*
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng	*Số 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Lân, thành phố Lào Cai,*	*0,00%*	*75,00%*	*0,00%*	*75,00%*
Công ty TNHH Đầu tư Tam Nguyên	*Số 002, đường Thanh Niên, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh*	*0,00%*	*71,07%*	*0,00%*	*71,07%*
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Lào Cai	*Số 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Lân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*	*0,00%*	*27,78%*	*0,00%*	*27,78%*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	*Tầng 1, 257 đường Minh Khai, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*	*0,00%*	*42,29%*	*0,00%*	*42,29%*
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Gia Huy	*Số 428 đường Khánh Yên, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai*	*0,00%*	*44,29%*	*0,00%*	*44,29%*
Cơ sở đồng kiểm soát:					
	Không có				

Scanned by CamScanner

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Scanned by CamScanner

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:
- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.
Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Scanned by CamScanner

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị của hàng tồn kho bao gồm:

Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;

Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;

Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể được thực hiện là giá trị bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Scanned by CamScanner

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:
- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua,bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Scanned by CamScanner

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Scanned by CamScanner

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Scanned by CamScanner

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

+ Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;

+ Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;

+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

18. *Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

+ Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;

+ Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;

+ Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Scanned by CamScanner

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	310.709.461	126.448.511
- Tiền gửi ngân hàng	9.090.651	13.470.712
+ Tiền gửi (VND)	9.090.651	13.470.712
+ Tiền gửi (USD)		
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	**711.630.881**	**139.919.223**

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	**51.664.303.125**	**24.255.785.127**
Công ty Cổ phần Thương mại Đông Đô Việt	5.084.400.000	5.084.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	30.842.600.000	
Công ty TNHH AJIMAN Việt Nam	15.737.303.125	14.796.708.125
Công ty TNHH Xây dựng TMDV Dũng Hà		4.100.000.000
Các đối tượng khác		4.374.677.002
Cộng	**51.664.303.125**	**24.255.785.127**

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1. Ngắn hạn	**36.945.602.220**	**60.422.852.220**
Công ty TNHH Vận tải và xây dựng thương mại Hoàng Tiến	2.000.000.000	7.450.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt		
Công ty TNHH ACE.LK	866.852.220	866.852.220
Công ty TNHH Kết nối Tri thức và Công nghệ	33.949.750.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thái Nguyên		24.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Khang Linh		28.000.000.000
Các đối tượng khác	129.000.000	106.000.000
Cộng	**36.945.602.220**	**60.422.852.220**

Scanned by CamScanner

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	196.000.000.000	193.785.645.398	2.214.354.602	385.000.000.000	382.476.371.217	2.523.628.783
Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Đại Việt	196.000.000.000	193.785.645.398	2.214.354.602	196.000.000.000	193.785.645.398	2.214.354.602
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Cát				189.000.000.000	188.690.725.819	309.274.181
Cộng	**196.000.000.000**	**193.785.645.398**	**2.214.354.602**	**385.000.000.000**	**382.476.371.217**	**2.523.628.783**

Tình hình đầu tư và thoái vốn trong 6 tháng đầu năm 2019 như sau :

Thoái vốn Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Đại Việt

Dự kiến khoản đầu tư này sẽ được thanh lý vào quý 4/2019

Thoái vốn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Cát

Thanh lý đầu tư và hoàn tất chuyển nhượng trong tháng 8/2019

Scanned by CamScanner

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	8.800.000.000		-	
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	140.000.550.000		190.300.550.000	
- Phải thu ngắn hạn khác (**)	189.004.000.000		44.000.000	
- Phải trả khác (Dư nợ)	157.899		-	
Cộng	**337.804.707.899**		**190.344.550.000**	
5.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	63.690.000		63.690.000	
- Phải thu dài hạn khác				
Cộng	**63.690.000**		**63.690.000**	

Ghi chú:

(*) Ký quỹ ngắn hạn khác bao gồm:

- Hợp đồng đặt cọc số 0206/2018/HĐ/ACE-KSH giữa Công ty TNHH ACE.LK và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH về việc đảm bảo quyền phân phối độc quyền nhãn hàng Tinh dầu, nước hoa Ajmal Dubai được quy định tại hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa số 01/HĐ/ACE-KSH ngày 01/06/2018. 30.000.000.000

- Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0306/2018/HĐĐC-KSH tại số 99 An Trạch, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP Hà Nội theo 04 GCN QSDĐ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155626, số vào sổ cấp GCNQSD đất/hồ sơ gốc số CT-DA01865 do UBND Thành phố Hà nội cấp ngày 17/11/2017, giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155625 số vào sổ cấp GCNQSD đất/ hồ sơ gốc số CT-DA01866, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155624 số CT-DA01867, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155624 số CT-DA01867. 110.000.000.000

- Các khoản khác 4.000.000

(**) Khoản phải thu khác bao gồm 550.000

- Phải thu theo 2 Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần phổ thông Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Cát giữa Công ty Cổ phần Đầu tư KSH (nay là Công ty Cổ phần Damac GLS) và ông Đỗ Minh Tuấn số 01-19/2019/HĐCN ngày 15/03/2019 giá trị hợp đồng 76.438.250.000 đồng và Hợp đồng số 02-19/2019/HĐCN ngày 20/03/2019 giá trị 112.561.750.000 đồng. 189.000.000.000

- Các khoản khác

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	267.812.000		394.340.000	
Cộng	**267.812.000**		**394.340.000**	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng

- Lý do trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không.

Scanned by CamScanner

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm			41.544.364			41.544.364
Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư, hàng hóa BĐS						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (hợp nhất)						
Số dư cuối năm			41.544.364			41.544.364
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm			41.544.364			41.544.364
Số tăng trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư, hàng hóa BĐS						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (hợp nhất)						
Số dư cuối năm			41.544.364			41.544.364
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm						
Tại ngày cuối năm						

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay		*VND*
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*41.544.364*	*VND*
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý	-	*VND*

Scanned by CamScanner

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH ACE.LK	11.376.925.000	11.376.925.000		
Công ty TNHH Đầu tư XDTM và XNK Thành Nam			17.429.701.123	17.429.701.123
Các đối tượng khác	16.682.780	16.682.780	968	968
Cộng	**11.393.607.780**	**11.393.607.780**	**17.429.702.091**	**17.429.702.091**

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	13.779.310			13.779.310
Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Thuế khác				
Cộng	**16.779.310**	**3.000.000**	**3.000.000**	**16.779.310**

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí kiểm toán	600.000.000	92.000.000
Cộng	**600.000.000**	**92.000.000**

11 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn		
- BHXH, BHYT, BHTN	12.862.065	23.187.366
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	252.768	5.000.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn		26.000.000.000
Cộng	**13.114.833**	**31.023.187.366**

Ghi chú :

Scanned by CamScanner

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	**575.096.750.000**			**16.778.889.689**	**65.566.259.352**	**657.441.899.041**
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay				2.582.418.568	1.247.883.395	3.830.301.963
- Tăng khác						
- Phân phối lợi nhuận						
- Lỗ trong năm nay						
- Điều chỉnh do hợp nhất				(2.638.924.985)	(50.566.259.352)	(53.205.184.337)
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	**575.096.750.000**			**16.722.383.272**	**16.247.883.395**	**608.067.016.667**
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay						
- Tăng khác						
- Phân phối lợi nhuận						
- Lỗ trong năm nay				(1.439.250.663)	(227.286.866)	(1.666.537.529)
- Điều chỉnh do hợp nhất						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	**575.096.750.000**			**16.531.016.004**	**14.772.713.134**	**606.400.479.138**

Scanned by CamScanner

12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	575.096.750.000	575.096.750.000
Cộng	**575.096.750.000**	**575.096.750.000**

12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.096.750.000	575.096.750.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

12.4. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.509.675	57.509.675
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi		

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.*

12.5. Cổ tức	Kỳ này	Kỳ trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		0%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

12.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

13 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD		
- EUR		

Scanned by CamScanner

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	46.405.395.000	153.994.332.821
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		9.668.823.652
Cộng	**46.405.395.000**	**163.663.156.473**

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng		

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.150.603.000	146.894.116.547
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		9.811.278.878
Cộng	**46.150.603.000**	**156.705.395.425**

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.833	791.664.068
- Lãi bán các khoản đầu tư (chuyển nhượng vốn góp)		409.294.869
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	**19.833**	**1.200.958.937**

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay		2.548.375.159
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(309.274.181)	
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	**(309.274.181)**	**2.548.375.159**

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Tiền phạt thu được		
- Lãi từ giao dịch mua rẻ		
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ		
- Các khoản khác	110.000	
Cộng	**110.000**	

Scanned by CamScanner

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý TSCD ,CCDC		
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	1.266.742	2.351.000
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ		
- Thuế GTGT không được hoàn		
- Các khoản khác	2	
Cộng	**1.266.744**	**2.351.000**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng		

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhận kế toán sau thuế TNDN	(1.666.537.529)	(4.464.219.653)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(1.666.537.529)	(4.464.219.653)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	57.509.675	57.509.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(29)**	**(78)**

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong 6 tháng đầu năm 2019 , Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong 6 tháng đầu năm 2019 , Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Kỳ này
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	

Scanned by CamScanner

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo vị trí địa lý:

Khoản mục	Hà Nội	Lào Cai	Tổng cộng
Doanh thu thuần			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	131.800.000	46.273.595.000	46.405.395.000
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
Cộng	**131.800.000**	**46.273.595.000**	**46.405.395.000**
Giá vốn			
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	126.528.000	46.024.075.000	46.150.603.000
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận			
Cộng	126.528.000	46.024.075.000	46.150.603.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**5.272.000**	**249.520.000**	**254.792.000**
Doanh thu hoạt động tài chính	18.161	1.672	19.833
Chi phí tài chính	(309.274.181)		(309.274.181)
Chi phí bán hàng	0		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	843.400.799	1.386.066.000	2.229.466.799
Thu nhập khác		110.000	110.000
Chi phí khác	1.266.742	2	1.266.744
Chi phí thuế TNDN hiện hành			
Tổng lợi nhuận sau thuế	**(530.103.199)**	**(1.136.434.330)**	**(1.666.537.529)**
Tổng chi phí mua tài sản			
Tài sản bộ phận	526.627.882.517	93.170.963.894	619.798.846.411
Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	**526.627.882.517**	**93.170.963.894**	**619.798.846.411**
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp			
Nợ phải trả bộ phận phân bổ	629.797.613	12.768.569.660	13.398.367.273
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng cộng nợ	**629.797.613**	**12.768.569.660**	**13.398.367.273**

Scanned by CamScanner

2 . Thông tin về các bên liên quan

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Tiền lương, thưởng	76.500.000	53.534.651
+ Thù lao		

Các giao dịch khác	Kỳ này	Kỳ trước

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu	-	-
Phải trả	252.768	-

2.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên SAPA	Công ty con	80,00%
Công ty TNHH ACE.LK	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản	

Trong năm Công ty không có các giao dịch với các bên liên quan

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH ACE.LK	Trả trước người bán	866.852.220
	Ký quỹ	140.000.000.000

3 . Các khoản công nợ tiềm tàng

Không phát sinh

4 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) và Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
NGUYỄN MINH ĐỨC	NGUYỄN MINH ĐỨC	HOÀNG VĂN LONG

Scanned by CamScanner

CÔNG TY CP DAMAC GLS

Số: 2908A/2019/DAMAC/CV
V/v: Giải trình về chênh lệch số liệu BCTC hợp nhất bán niên năm 2019 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Damac GLS
Mã chứng khoán: KSH
Trụ sở chính: Số 99 An Trạch, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
Điện thoại: 04. 39364695

Trước tiên, Công ty Cổ Phần Damac GLS xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Qua BCTC của Công ty CP Damac GLS được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) chúng tôi xin làm rõ vấn đề chênh lệch giữa số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30.06.2019 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
	Bảng cân đối kế toán				
1	Chứng khoán kinh doanh	-	196.000.000.000	196.000.000.000	Kiểm toán điều chỉnh khoản đầu tư vào Công ty Đại Việt 196 tỷ đồng từ Đầu tư dài hạn - Cty con sang chứng khoán kinh doanh
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(2.214.354.602)	(2.214.354.602)	Kiểm toán trích lập dự phòng đầu tư công ty Đại Việt 2.214.354.602 đồng
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	1.525.320.000	1.525.320.000	Kiểm toán trích dự phòng khoản phải thu khó đòi của công ty Đông Đô Việt 1.525.320.000 đồng
	Báo cáo kết quả kinh doanh				
1	Chi phí tài chính	-	(309.274.181)	(309.274.181)	Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào công ty Vạn Cát: (309.274.181)đồng

Scanned with CamScanner

2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	321.223.799	2.229.466.799	1.908.243.000	Kiểm toán trích chi phí kiểm toán năm 2018 và soát xét bán niên 2019: 548.000.000 đồng ; trích khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Đông Đô Việt: 1.525.320.000 đồng; hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi kiểm toán 2018 đã trích lập: 165.077.000 đồng.
3	Thu nhập khác	3.586.527.085	110.000	(3.586.417.085)	Kế toán lập báo cáo đưa nhầm khoản lợi nhuận sau thuế vào chỉ tiêu thu nhập khác
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.518.848.375	(1.666.537.529)	(5.185.385.904)	Các chỉ tiêu nêu trên thay đổi nên dẫn đến chỉ tiêu LNSTTNDN thay đổi.

Trên đây là những giải trình của Công ty CP Damac GLS liên quan đến Báo cáo tài chính bán niên năm 2019

Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của quý cơ quan.

Trân trọng./

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu KT-TH

M.S.D.N: 0700189368 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Long

Scanned with CamScanner